

NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HOÀNG NAM HẢI - MÃ THANH THỦY*

Ngày nhận bài: 08/04/2017; ngày sửa chữa: 20/04/2017; ngày duyệt đăng: 15/05/2017.

Abstract: Improving the assessment competence for students majoring in primary education is an important task of Pedagogical College. In the article, authors share experience and propose solutions to improve assessment competence to meet graduation requirements for students majoring in Primary education at Pedagogical College - Da Nang University.

Keywords: Assessment, learning outcome, competence, graduation requirement, primary education.

1. Đặt vấn đề

Đánh giá (ĐG) học sinh tiểu học (HSTH) trong những năm qua nhận được sự quan tâm đặc biệt của toàn xã hội và của đội ngũ các nhà giáo cấp tiểu học (TH). ĐG vì sự tiến bộ của học sinh (HS) được dư luận xã hội đồng tình và HS phấn khởi. Năng lực (NL) ĐG HSTH trở nên khá quan trọng, là một trong những chuẩn đầu ra (CĐR) của sinh viên (SV) ngành Giáo dục tiểu học (GDTH). Vì thế, sứ mệnh của khoa GDTH, trong các trường sư phạm là đào tạo giáo viên đáp ứng CĐR hay chuẩn nghề nghiệp của các trường TH. Trong đó NL ĐG HSTH có thể xem là một trong những NL cốt lõi của chương trình đào tạo (CTĐT). ĐG tốt không những thúc đẩy sự tiến bộ của HS mà còn điều chỉnh, làm thay đổi tích cực phương pháp dạy học của giáo viên.

Nâng cao NL ĐG HSTH cho SV ngành GDTH cần được quan tâm đúng mực trong đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho SV. Đây là việc làm thường xuyên nhằm cập nhật những xu hướng mới của thực tiễn giáo dục, chuẩn bị tâm thế vững vàng nhất cho đội ngũ các nhà giáo tương lai.

2. ĐG NL, phẩm chất HSTH theo Thông tư hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT

2.1. NL, phẩm chất của HSTH

2.1.1. *Khái niệm NL.* NL là một vấn đề khá trừu tượng của tâm lý học, đến nay vẫn có nhiều cách hiểu và lý giải khác nhau. Theo Tổ chức các nước phát triển OECD, “NL là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức hợp và thực hiện thành công nhiệm vụ trong bối cảnh cụ thể” [1]. Rubinstein xem “NL là toàn bộ những thuộc tính tâm lý làm cho con người thích hợp với một hoạt động có ích lợi xã hội nhất định” [2]. Korutecxki cho rằng, “khi nói đến NL tức là phải nói đến NL trong một loại hoạt động nhất định

của con người” [3]. Nếu xem xét NL trên quan điểm thành thạo các kỹ năng trong hành động, thì Rogiers quan niệm “NL chính là sự tích hợp các kỹ năng tác động một cách tự nhiên lên các nội dung trong một loạt các tình huống cho trước để giải quyết những vấn đề do tình huống đặt ra” [4]. Nếu xem xét NL trên quan điểm mục đích và nhân cách, Phạm Minh Hạc quan niệm “NL chính là một tổ hợp các đặc điểm tâm lý của một con người (còn gọi là tổ hợp thuộc tính tâm lý của một nhân cách), tổ hợp đặc điểm này vận hành theo một mục đích nhất định tạo ra kết quả của một hoạt động nào đấy” [5].

Từ các cách lý giải trên, chúng ta có thể hiểu NL là khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm bản thân với niềm tin, ý chí để thực hiện thành công một hoạt động nào đó. NL thường được biểu hiện qua một số các đặc trưng sau: - NL tồn tại và phát triển thông qua hoạt động; - NL được bộc lộ qua thao tác thành thạo các kỹ năng trong hành động; - Các cá nhân khác nhau sẽ có NL khác nhau; - NL hoàn toàn có thể bồi dưỡng phát triển thông qua GD-ĐT.

NL của HSTH: Trong Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT [6] (là Thông tư hợp nhất của Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT [7] và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT [8] về ĐG HSTH) quy định một số NL của HSTH, bao gồm: NL tự phục vụ, tự quản; NL hợp tác; NL tự học và giải quyết vấn đề. Để ĐG được các NL này, giáo viên cần biết rõ một số biểu hiện cốt lõi nhất của các NL ấy. Các biểu hiện về NL có thể tường minh (đối với HS có biểu hiện NL rõ rệt), có thể còn manh nha cần động viên khích lệ một cách kiên trì và nhẫn nại. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện sống, môi trường sinh hoạt mà HS có những mức độ biểu hiện NL khác nhau.

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

2.1.2. *Khái niệm “phẩm chất”* vừa có nghĩa hẹp vừa có nghĩa rộng. Theo nghĩa hẹp, *phẩm chất* là khái niệm sinh lí học, chỉ đặc điểm sẵn có của cơ thể như hệ thần kinh, các giác quan và cơ quan vận động. Đặc điểm sẵn có là cơ sở tự nhiên để con người tiếp nhận những hiện tượng tâm lí và thuộc tính tâm lí. Theo nghĩa rộng, phẩm chất chỉ các đặc điểm tâm lí như: tính cách, ý chí, hứng thú, tính khí, phong cách của con người.

Phẩm chất của HSTH: Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT quy định các phẩm chất của HS được hình thành và phát triển trong quá trình học tập, rèn luyện, hoạt động trải nghiệm cuộc sống trong và ngoài nhà trường. Các phẩm chất đó bao gồm: Phẩm chất chăm học, chăm làm; phẩm chất tự tin, trách nhiệm; phẩm chất trung thực, kỉ luật; phẩm chất đoàn kết, yêu thương.

2.2. Cách thức ĐG HSTH. Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT [7] và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT sửa đổi [8] xác định rõ nội dung ĐG. Đó là ĐG quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của HS theo chuẩn kiến thức, kĩ năng từng môn học và hoạt động giáo dục khác theo chương trình giáo dục phổ thông cấp TH; ĐG sự hình thành và phát triển NL, phẩm chất của HS.

Cách thức ĐG bao gồm: *ĐG thường xuyên* và *ĐG định kì*. ĐG thường xuyên là ĐG trong quá trình học tập, rèn luyện về kiến thức, kĩ năng, thái độ và một số biểu hiện NL phẩm chất của HS, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và các hoạt động giáo dục [2]. ĐG thường xuyên bao gồm ĐG thường xuyên về học tập và ĐG thường xuyên về NL, phẩm chất.

ĐG định kì là ĐG kết quả giáo dục của HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với chuẩn kiến thức, kĩ năng quy định trong chương trình giáo dục cấp TH và sự hình thành, phát triển NL, phẩm chất HS [8], [9]. ĐG định kì cũng bao gồm ĐG định kì về học tập và ĐG định kì về NL, phẩm chất.

ĐG định kì về học tập đối với từng môn học vào giữa học kì 1 và 2, cuối học kì 1 và cuối năm học theo 3 mức: **Hoàn thành tốt**: thực hiện tốt các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục; **Hoàn thành**: thực hiện được các yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục; **Chưa hoàn thành**: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập của môn học hoặc hoạt động giáo dục [8], [9].

ĐG định kì về NL, phẩm chất vào giữa học kì 1, cuối học kì 1, giữa học kì 2 và cuối năm học. Giáo viên

chủ nhiệm căn cứ vào các biểu hiện liên quan đến nhận thức, kĩ năng, thái độ trong quá trình ĐG thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng NL, phẩm chất của mỗi HS, tổng hợp theo các mức: **Tốt**: đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên; **Đạt**: đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên; **Cần cố gắng**: chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ [8], [9], [10].

ĐG HS khuyết tật và HS học ở lớp học linh hoạt được quy định tại Điều 12 của Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT [8], [10], [11].

3. CĐR trong đào tạo SV ngành GDTH

3.1. Mục tiêu (MT) CTĐT ngành GDTH: MT1: CTĐT ngành GDTH nhằm tạo ra và cung cấp đội ngũ các nhà giáo cấp TH, đáp ứng những yêu cầu đổi mới của giáo dục trong thời kì CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế; MT2: Học viên tốt nghiệp phải có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức của một nhà giáo, có đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ giáo dục; MT3: Học viên có khả năng dạy tốt chương trình ở cấp TH; MT4: Học viên có khả năng thực hiện các hoạt động giáo dục ở cấp TH; MT5: Học viên tốt nghiệp hệ đào tạo này có thể tiếp tục học lên các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về GDTH, Quản lí giáo dục và có khả năng trở thành giáo viên cốt cán của cấp TH; có NL nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở TH, tự bồi dưỡng và phát triển bản thân, phát triển chương trình [10].

3.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT cử nhân GDTH

CĐR số 1: Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; CĐR số 2: Có NL tìm hiểu người học và môi trường giáo dục; CĐR số 3: Có NL hoạt động giáo dục ở cấp TH; CĐR số 4: Có NL hoạt động dạy học ở cấp TH; CĐR số 5: Có NL giao tiếp sư phạm; **CĐR số 6**: Có NL ĐG trong giáo dục (ĐG hướng tới sự thành công của HSTH); CĐR số 7: Có NL hoạt động xã hội; CĐR số 8: Có NL phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân; Đảm bảo CĐR về ngoại ngữ, CĐR về tin học [4].

3.3. ĐG CĐR đáp ứng các mục tiêu CTĐT: ĐG mức độ đáp ứng của CĐR với các mục tiêu của CTĐT theo 03 mức Thấp (T), Trung bình (TB), Cao (C), trong bảng sau: (xem *bảng 1* trang bên)

Như vậy, SV tốt nghiệp ngành GDTH ngoài các CĐR khác thì CĐR về ĐG trong giáo dục, ĐG HSTH là rất cần thiết và quan trọng [10].

4. Thực trạng về NL ĐG HSTH của SV Khoa GDTH, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
Để có cái nhìn thấu đáo và khách quan về NL ĐG

Bảng 1. Mức độ đáp ứng CDR của mục tiêu CTĐT

	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8
MT 1	C	C	C	C	C	C	C	C
MT 2	C	T	T	TB	TB	TB	TB	TB
MT 3	T	C	TB	C	C	C	T	C
MT 4	TB	C	C	C	C	C	TB	TB
MT 5	T	TB	TB	C	TB	TB	TB	C

HS của SV ngành GDTH, chúng tôi tiến hành khảo sát 20 SV lớp 12STH, Khoa GDTH Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trước khi các em đi thực tập sư phạm (02/2016).

Mục đích của khảo sát là tìm hiểu sự hiểu biết của SV về ĐG HSTH trước khi các em chưa được Khoa tập huấn về ĐG HSTH. Tổ chức khảo sát: Thiết kế bảng hỏi để lấy ý kiến của 20 SV. Kết quả khảo sát được cho ở các bảng sau:

Bảng 2. Tìm hiểu nhận thức của SV về ĐG HSTH

Câu hỏi	Nội dung	Rất cần thiết	Cần thiết	Ít cần thiết	Không biết
1	Vai trò của ĐG trong dạy học ở TH	5/20	103/20	1/20	4/20

Bảng 3. Nhận thức của SV về đối tượng tham gia ĐG HSTH

Câu hỏi	Nội dung	GV	PH	HS	Không biết
2	Vai trò quyết định trong ĐG HSTH, là ai trong 3 đối tượng sau: HS; Giáo viên; Phụ huynh	13/20	1/20	5/20	1/20

Bảng 4. Mức độ tìm hiểu về ĐG HSTH

Câu hỏi	Nội dung	Đã nghiên cứu rất kĩ	Đã nghiên cứu	Chưa nghiên cứu	Không biết
3	Mức độ hiểu biết về ĐG HSTH của anh (chị)?	1/20	7/20	8/20	4/20

Bảng 5. Tìm hiểu phương pháp và kĩ thuật ĐG HS của SV GDTH

Câu hỏi	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Không biết
4	ĐG HSTH tốt nhất là thông qua kiểm tra miệng hoặc bài kiểm tra	5/20	7/20	6/20	2/20
5	Giáo viên cần ghi nhận xét vào vở của tất cả HS	8/20	7/20	3/20	2/20
6	So sánh HS với bạn bè xung quanh để khích lệ sự cố gắng	4/20	6/20	7/20	3/20
7	ĐG NL, phẩm chất thông qua quan sát, bài thực hành, thảo luận nhóm hay sản phẩm học tập của HS	6/20	7/20	4/20	3/20
8	Phạt HS ghi lại 10 lần bài chính tả khi các em viết sai lỗi chính tả	3/20	5/20	9/20	3/20

Bảng 6. Mức độ hiểu biết của SV về các biểu hiện của NL

Câu hỏi	Nội dung	Viết đúng	Viết đúng 1 phần	Viết chưa đúng	Bỏ trống
9	Cho biết một số biểu hiện của NL hợp tác?	3/20	7/20	6/20	4/20
10	Cho biết một số biểu hiện của NL giải quyết vấn đề?	1/20	5/20	8/20	6/20

Kết quả khảo sát cho thấy có 25% SV nhận thức về ĐG ở TH không quan trọng, cá biệt có HS không biết về vai trò của ĐG đối với nhiệm vụ dạy và học ở cấp TH. Chính vì vậy có đến 60% SV không hề quan tâm đến các thông tư về ĐG ở TH. Đây chính là sự thiếu hụt về NL ĐG mà trong quá trình học tập các em chưa ý thức được NL nghề nghiệp cần phải được trang bị cho tương lai. Cũng chính vì sự thờ ơ đó mà 70% SV không biết các biểu hiện cốt lõi của NL giải quyết vấn đề; 50% SV không biết các biểu hiện cốt lõi của NL hợp tác của HSTH.

Nhìn chung, NL ĐG HSTH của SV TH khóa tuyển sinh 2012-2016 đang còn hạn chế trên nhiều mặt từ nhận thức đến kĩ thuật và cách thức ĐG. Nâng cao NL ĐG cho SV là một việc làm hết sức cần thiết trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông, đặc biệt xu hướng đổi mới dạy học phát triển NL và nâng cao NL sư phạm cho đội ngũ các nhà giáo trong các trường TH.

5. Biện pháp sư phạm nâng cao NL ĐG cho SV ngành GDTH

Đổi mới giáo dục đại học, đặc biệt tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trong những năm qua được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Bí thư Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các lãnh đạo khoa và sự hưởng ứng từ đội ngũ các nhà giáo đã có những chuyển biến tích cực và đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Trong bối cảnh đó, việc đổi mới dạy học tại Khoa GDTH đã có những bước đi vững chắc với nhiều giải pháp hiệu quả. Các giải pháp đó bao gồm:

5.1. Đổi mới nội dung học phần ĐG giáo dục ở TH

5.1.1. Mục đích của giải pháp: Trong xu hướng đổi mới giáo dục phổ thông, nhiệm vụ ĐG cũng luôn đổi mới để phù hợp với hình thức dạy học mới. Ở TH, năm 2005 đã có quy định về ĐG bằng nhận xét đối với các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Đạo đức, Thể dục, Tự nhiên và xã hội... Ở TH, năm 2005 có Quy định về ĐG bằng nhận xét đối với các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Đạo đức, Thể dục, Tự nhiên - Xã hội (theo Quyết định số 30/2005/QĐ-BGDĐT ngày 30/09/2005) của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT; ĐG thường xuyên và ĐG định kì bằng điểm số đối với các môn Toán, Tiếng Việt, Lịch

sử, Địa lí, Khoa học; năm 2009, Thông tư số 32/2009/TT-BGDĐT quy định ĐG thường xuyên và định kì các môn Toán, Tiếng Việt, Lịch sử, Địa lí, Khoa học bằng điểm số và nhận xét; năm 2014, Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT thay đổi quan điểm ĐG thường xuyên bằng nhận xét không dùng điểm số; năm 2016, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung những bất cập của Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ([7], [8]).

Như vậy, học phần kiểm tra, ĐG trong CTĐT SV ngành GDTH cần được đổi mới thường xuyên nhằm bắt kịp với “hơi thở” của giáo dục phổ thông.

5.1.2. Cách thức thực hiện: - Hai năm một lần, ĐG lại mức độ phù hợp của từng học phần đối với việc đáp ứng các CĐR của CTĐT; - Cập nhật ngay những đổi mới của ĐG ở TH vào nội dung học phần kiểm tra, ĐG ở TH. Sự cập nhật đó được thông qua tổ chuyên môn, tham khảo ý kiến các nhà giáo ở TH, những nhà giáo có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về ĐG HSTH.

5.2. Tích hợp nội dung và kiến thức ĐG HS vào từng học phần phương pháp dạy học phân môn cụ thể:

5.2.1. Mục đích của giải pháp: Ở TH đối với những môn học cụ thể, HS sẽ có những NL chuyên biệt khác nhau. Để ĐG thường xuyên mức độ biểu hiện của chuẩn kiến thức, kĩ năng và NL trong từng môn học, thì việc tích hợp nội dung và cách thức ĐG thường xuyên, định kì vào nội dung bài giảng các học phần phương pháp (như *Phương pháp dạy học Toán, Phương pháp dạy học tiếng Việt, Phương pháp dạy học Đạo đức...* ở TH) sẽ giúp cho SV GDTH hiểu rõ cách thức ĐG NL HS qua từng môn học cụ thể.

5.2.2. Cách thức thực hiện: - Tập trung sự chỉ đạo thống nhất quan điểm hành động từ cấp khoa, để các tổ môn triển khai đến từng giảng viên giảng dạy các học phần phương pháp; - Thống nhất hệ thống các NL chuyên biệt của HSTH và sự biểu hiện của chúng đối với từng phân môn cụ thể; - Thống nhất cách thức ĐG trong đội ngũ giảng dạy các học phần phương pháp, thống nhất xây dựng thành các chỉ báo cụ thể cho từng nhóm NL chuyên biệt; - Thường xuyên cập nhật khi có sự thay đổi từ thực tiễn giáo dục.

5.3. Tổ chức tập huấn, hội thảo về ĐG HSTH

5.3.1. Mục đích của giải pháp: Giải pháp này nhằm trang bị, cung cấp những nội dung, cách thức mới nhất về ĐG HS cho các giáo viên tương lai. Giúp SV có đầy đủ những hiểu biết, kĩ năng về ĐG để vận dụng vào nghề nghiệp sau khi ra trường, trở thành nhà giáo. Đây là một diễn đàn rất thuận tiện để SV

được cọ xát, học tập kinh nghiệm ĐG từ thực tiễn giáo dục rất hữu ích cho họ.

5.3.2. Cách thức thực hiện: - Cử giảng viên trong khoa, thành lập từng nhóm chuyên môn, tham dự tập huấn do Bộ chủ trì. Sau đó đội ngũ này tập huấn, báo cáo lại trong tổ môn, trao đổi thống nhất để lên chương trình báo cáo cho SV, giáo viên; - Phối hợp với Sở GD-ĐT, phòng GD-ĐT để thống nhất cách thức tập huấn cho cán bộ cốt cán của Sở; - Tổ chức Hội thảo, tập huấn cho SV. Phân công các nhóm báo cáo, trao đổi thảo luận về ĐG ở TH. Mời những giáo viên cốt cán, có thâm niên, có kinh nghiệm thực tiễn của một số trường TH báo cáo những chuyên đề về kinh nghiệm thực tiễn giúp SV trải nghiệm cách thức ĐG ở trường TH. Đây là việc làm mang lại ý nghĩa rất lớn, đem lí luận và thực tiễn xích lại gần nhau hơn. SV vừa có lí luận vừa được học tập qua kinh nghiệm thực tiễn phong phú; - Tổ chức tập huấn cho SV về ĐG HS bằng công nghệ thông tin, trường học kết nối.

5.4. Thực hiện nguyên lí giáo dục “Học đi đôi với hành, lí thuyết gắn liền với thực tiễn”. “Thực tập sư phạm vệ tinh” ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là một hình thức đổi mới giáo dục, thực hiện nguyên lí giáo dục “học đi đôi với hành, lí luận gắn với thực tiễn”. Trong 20 tuần thực tập sư phạm vệ tinh, SV GDTH một buổi lên giảng đường học tập, một buổi xuống trường phổ thông. Các em được quan sát, học hỏi cách thức ĐG HSTH theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT. Những gì các em được học tập về ĐG HSTH, được các em kiểm nghiệm trong thực tiễn, so sánh giữa lí luận và thực tế, làm phong phú thêm kiến thức, kĩ năng nghiệp vụ sư phạm của các em.

Khảo sát 20 SV khóa tuyển sinh 2013 sau khi thực tập sư phạm vệ tinh (02/2017), chúng tôi thấy rằng, 100% các em tự tin với NL ĐG HSTH của mình; các em cho rằng mình có thể ĐG HS gần như một giáo viên TH có thâm niên thực thụ.

6. Kết luận

NL ĐG HSTH là một trong những NL cốt lõi, là một CĐR quan trọng của CTĐT SV GDTH. Việc bồi dưỡng nâng cao NL ĐG - một NL nghiệp vụ sư phạm quan trọng giúp SV có đầy đủ kiến thức và kĩ năng ĐG HSTH đã được thầy và trò Khoa GDTH cũng như lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng hết sức quan tâm và tạo mọi điều kiện thuận lợi. Các giải pháp mà chúng tôi triển khai, thực hiện đã đem lại

(Xem tiếp trang 37)

việc thực hiện tốt các chính sách hiện hành, ngành, Sở GD-ĐT cần hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với ĐNCBQL một cách phù hợp, Phòng GD-ĐT tham mưu với UBND huyện xây dựng chế độ ưu đãi đối với ĐNCBQL trường tiểu học; động viên, khích lệ tạo động lực để họ phát huy hết năng lực nội tại, đem lại hiệu quả giáo dục cao. Nâng cao chất lượng ĐNCBQL cũng là gián tiếp nâng cao chất lượng giáo dục. Bên cạnh đó, để phát huy năng lực và tạo điều kiện để ĐNCBQL hoàn thành được các mục tiêu đề ra, cần đặt họ trong điều kiện và cơ hội tốt, môi trường thuận lợi, có chế độ chính sách rõ ràng để khuyến khích, động viên kịp thời. Đầu tư cơ sở vật chất thiết bị giáo dục, hoàn thiện chế độ chính sách xã hội đối với ĐNCBQL, xây dựng nhân rộng điển hình cán bộ quản lý giỏi, xử lý nghiêm minh những đơn vị, cá nhân có sai phạm nhằm thúc đẩy sự đi lên của giáo dục, đáp ứng được nhu cầu của thời đại.

Mỗi biện pháp phát triển ĐNCBQL trường tiểu học được đề xuất đều có mặt mạnh, mặt yếu riêng, và các biện pháp có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau nên khi thực hiện, cần có sự kết hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp. Đặc biệt, tùy theo điều kiện nhân lực, vật lực, tài lực, kinh tế, văn hóa xã hội địa phương mà mỗi thời kì, giai đoạn nhất định sẽ có những biện pháp được ưu tiên thực hiện.

Nâng cao năng lực đánh giá...

(Tiếp theo trang 29)

hiệu quả cao rõ rệt. NL nghề nghiệp của SV GDTH trong những năm gần đây đã được khẳng định, các em luôn đạt kết quả thi tuyển cao trong các đợt tuyển dụng. Các cán bộ lãnh đạo phòng GD-ĐT cũng như tập thể sư phạm các trường TH đều ĐG cao NL của SV ngành GDTH - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. □

Tài liệu tham khảo

- [1] OECD (2003). *The PISA 2003 Assessment Framework - Mathematics, Reading, Science and Problem Solving Knowledge and Skills*. Paris.
 [2] Rubinstein X. L. (1989). *Những cơ sở của tâm lý học đại cương*. NXB Giáo dục.
 [3] Korutecxki V. A. (1978). *Tâm lý năng lực Toán học của học sinh* (bản dịch của Phạm Văn Hoàn - Lê Hải Châu - Hoàng Chúng). NXB Giáo dục.

Nhìn chung, chất lượng ĐNCBQL trường tiểu học được khảo sát ở huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, năng lực nghề nghiệp và năng lực quản lý đạt mức độ khá; công tác phát triển đội ngũ này ở mức độ khá tốt. Thực trạng này chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố thuộc về phòng GD-ĐT, bản thân ĐNCBQL và môi trường phát triển, làm việc của họ. Cần thực hiện đồng bộ các biện pháp để khắc phục những hạn chế, phát huy những mặt mạnh nhằm nâng cao chất lượng ĐNCBQL trường tiểu học đáp ứng giai đoạn giáo dục mới trong tương lai. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2012). *Quyết định số 382/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2012 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về Ban hành Chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý trường tiểu học*.
 [2] Bộ GD-ĐT (2010). *Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 về Ban hành điều lệ trường tiểu học*.
 [3] Christan Batal (2002). *Quản lý nguồn nhân lực trong khu vực Nhà nước* (tập 1,2). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
 [4] Phan Văn Kha (2006). *Phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 11.
 [5] Trần Kiểm - Nguyễn Xuân Thúc (2012). *Giáo trình khoa học quản lý và quản lý giáo dục đại cương*. NXB Đại học Sư phạm.

- [4] Rogiers X. (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*. NXB Giáo dục.
 [5] Phạm Minh Hạc (1992). *Một số vấn đề về tâm lý học*. NXB Giáo dục.
 [6] Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ngày 28/9/2016 ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
 [7] Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành Quy định về đánh giá học sinh tiểu học*.
 [8] Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
 [9] Nguyễn Đức Minh (2015). *Hướng dẫn đánh giá năng lực của học sinh cuối cấp tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
 [10] Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (2015). *Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Giáo dục tiểu học*.
 [11] Hoàng Mai Lê - Xuân Thị Nguyệt Hà - Nguyễn Đức Mạnh (2016). *Hỏi đáp về đánh giá học sinh tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.